

TCVN:.....

**BÙN NẠO VẾT THAY THẾ MỘT PHẦN NGUYÊN LIỆU
SẢN XUẤT CLANHKE XI MĂNG, GẠCH NUNG
VÀ VẬT LIỆU SAN LẤP MẶT BẰNG**

*Dredging mud partially replaces raw materials for production of cement clinker,
fired bricks and leveling materials*

DỰ THẢO

HÀ NỘI - XXXX

Lời nói đầu

TCVN:..... do Viện Vật liệu Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

TCVN:.....

Bùn nạo vét thay thế một phần nguyên liệu sản xuất clanhke xi măng, gạch nung và vật liệu san lấp mặt bằng

Dredging mud partially replaces raw materials for production of cement clinker, fired bricks and leveling materials

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với bùn nạo vét lòng sông, cửa biển, hồ thủy điện, hồ thủy lợi làm vật liệu phối trộn với vật liệu khác để san lấp mặt bằng, thay thế một phần nguyên liệu sản xuất clanhke xi măng, gạch nung.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là cần thiết để áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 4344:1986 Đất sét để sản xuất gạch nung – Lấy mẫu;

TCVN 4345:1986 Đất sét sản xuất gạch, ngói nung – Phương pháp thử cơ lý;

TCVN 4196:2012, Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm;

TCVN 7131:2016, *Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học*;

3 Thuật ngữ định nghĩa

3.1 Bùn nạo vét (dredged material)

Vật liệu bùn mềm xúc, bơm hút lên trong quá trình nạo vét lòng sông, cửa biển, lòng hồ.

4 Yêu cầu kỹ thuật

4.1 Làm nguyên liệu để sản xuất xi măng

Bùn nạo vét dùng để sản xuất clanhke xi măng poóc lăng được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu kỹ thuật của bùn nạo vét từ lòng sông, cửa biển, lòng hồ để sản xuất xi măng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức
1	Hàm lượng kiềm oxit ($\text{Na}_2\text{O} + 0,658\text{K}_2\text{O}$), không lớn hơn	%	4
2	Độ ẩm (W), không lớn hơn	%	20
3	Hàm lượng clorua (Cl) *, không lớn hơn	%	0,1
4	Bùn nạo vét không được lẫn các dị vật như: sắt, thép, rễ cây, sỏi, đá		
* Giá trị này chỉ xác định đối với bùn nạo vét tại cửa biển			

4.2 Làm nguyên liệu để sản xuất gạch nung

Bùn nạo vét dùng để sản xuất gạch nung được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu kỹ thuật của bùn nạo vét từ lòng sông, cửa biển, lòng hồ để sản xuất gạch nung

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức
1	Hàm lượng SiO_2	%	Từ 45 đến 72
2	Hàm lượng Al_2O_3	%	Từ 10 đến 20
3	Hàm lượng Fe_2O_3	%	Từ 4 đến 10
4	Tổng hàm lượng kiềm thổ quy ra cacbonat, không lớn hơn	%	6
5	Hàm lượng hạt từ 2 mm đến 10 mm (hạt sỏi sạn), không lớn hơn	%	12
	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,005 mm (hạt sét)	%	Từ 22 đến 32
6	Độ ẩm (W), không lớn hơn	%	25
7	Bùn nạo vét không được lẫn các dị vật như: sắt, thép, rễ cây, sỏi, đá		

4.3 Làm vật liệu san lấp

Bùn nạo vét dùng làm vật liệu san lấp được quy định trong Bảng 3

Bảng 3 – Yêu cầu kỹ thuật của bùn nạo vét từ lòng sông, cửa biển, lòng hồ làm vật liệu san lấp

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức
1	Độ ẩm (W), không lớn hơn	%	25
2	Bùn nạo vét không được lẫn các dị vật như: sắt, thép, rễ cây, sỏi, đá		

5 Phương pháp thử

5.1 Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử, xác định theo TCVN 4344:1986;

5.2 Độ ẩm, xác định theo TCVN 4196:2012;

5.3 Hàm lượng SiO₂, xác định theo TCVN 7131:2016;

5.4 Hàm lượng Al₂O₃, xác định theo TCVN 7131:2016;

5.5 Hàm lượng Fe₂O₃, xác định theo TCVN 7131:2016;

5.6 Hàm lượng kiềm oxyt (Na₂O + 0,658K₂O), xác định theo TCVN 7131:2016;

5.7 Tổng hàm lượng kiềm thổ quy ra cacbonat, Xác định theo 7131:2016;

5.8 Thành phần hạt, xác định theo TCVN 4345: 1986.

6 Vận chuyển bùn nạo vét

6.1 Việc vận chuyển bùn nạo vét phải tuân thủ Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

7 Đơn vị xử lý bùn nạo vét

7.1 Các đơn vị xử lý bùn nạo vét phải tuân thủ Luật bảo vệ môi trường năm 2020.